



QUAN ĐIỂM NHO GIÁO VỀ “DÂN LÀ GỐC” VÀ BÀI HỌC LẤY DÂN LÀM GỐC CỦA ĐẢNG TA HIỆN NAY

Lê Thị Hoài¹

TÓM TẮT

Nho giáo là một học thuyết triết học chính trị lớn nhất của triết học Trung Hoa cổ đại. Tư tưởng Nho giáo bao gồm nhiều nội dung có giá trị tích cực nhằm ổn định và phát triển xã hội, trong đó phải kể tới quan điểm “dân là gốc”. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu về vị trí, vai trò của dân, chính sách “Dưỡng dân”, chính sách “Trị dân” trong Nho giáo, đồng thời khẳng định ý nghĩa thực tiễn của quan điểm này đối với bài học lấy dân làm gốc của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Nho giáo, dân là gốc, lấy dân làm gốc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nho giáo là một học thuyết triết học ra đời vào thế kỷ thứ IV (tr.CN) ở Trung Hoa cổ đại. Trải qua bao thăng trầm lịch sử nhưng Nho giáo vẫn luôn đồng hành cùng với đời sống tinh thần của người Phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng. Tư tưởng Nho giáo không bàn nhiều đến những vấn đề về thế giới quan mà chủ yếu là xoay quanh những vấn đề thuộc về cuộc sống con người và xã hội. Giống như nhiều học thuyết triết học khác, Nho giáo cũng không tránh khỏi những hạn chế duy tâm, cải lương mang tính lịch sử của nó. Song, những giá trị về nhân nghĩa, về đạo làm người, về thái độ ứng xử của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội vẫn còn có những giá trị tích cực mà chúng ta cần phải tiếp thu và kế thừa.

Tư tưởng “dân là gốc” của Nho giáo đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến lịch sử tư tưởng dân tộc Việt Nam. Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân vẫn còn tồn tại nhiều trở ngại, thách thức to lớn bắt nguồn từ việc vi phạm quyền dân chủ. Hiện tượng biến chất về mặt chính trị, đạo đức như: quan liêu, hách dịch, lòng hành, xa rời dân chúng của một bộ phận cán bộ, đảng viên - những người có chức, có quyền đang làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đáng lo ngại hơn cả là hiện tượng tham nhũng của một số lãnh đạo từ trung ương đến địa phương đang gây ra những tổn thất khôn lường cho vận mệnh dân tộc, tương lai của nước nhà. Trước tình hình đó, chúng tôi thiết nghĩ, quan điểm “dân là gốc” của Nho giáo vẫn còn những giá trị thực tiễn sâu sắc đối với bài học lấy dân làm gốc của Đảng ta hiện nay.

¹ Giảng viên khoa Lý luận Chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức



2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Nho giáo về “dân là gốc”

2.1.1. Vài nét về hoàn cảnh ra đời của học thuyết Nho giáo

Người sáng lập ra học thuyết Nho giáo là Khổng Tử. Khổng Tử (551 - 479 Tr.CN), tên là Khâu, tự Trọng Ni, sinh ra ở nước Lỗ trong một gia đình quý tộc nhỏ bị sa sút. Quê hương nước Lỗ của Khổng Tử là nơi trụ cột, nơi bảo tồn được nhiều di sản văn hóa cũ của nhà Chu. Sau khi Khổng Tử mất, học thuyết của ông được các thế hệ học trò tiếp tục phát triển và trở thành một trường phái triết học lớn lúc bấy giờ. Trong số đó, nổi bật là nhà triết học Mạnh Tử và Tuân Tử.

Nho giáo ra đời trong thời kỳ suy tàn của chế độ chiếm hữu nô lệ để bước vào chế độ phong kiến với những đặc điểm kinh tế, chính trị - văn hóa xã hội tiêu biểu sau đây:

Về kinh tế: Chế độ chiếm hữu nhân về ruộng đất là cơ sở cho sự ra đời các giai cấp và tầng lớp mới trong xã hội. Mâu thuẫn giữa các giai cấp ngày càng gay gắt. Đó là, mâu thuẫn giữa tầng lớp quý tộc nhà Chu, giai cấp địa chủ mới với nông dân, nông nô; mâu thuẫn giữa bộ phận quý tộc cũ với một bộ phận quý tộc mới nhằm tiêu diệt lẫn nhau để thiết lập quyền thống trị. Hiện tượng tranh giành nhau về địa vị, quyền lực và đất đai xảy ra thường xuyên. Khổng Tử gọi đây là thời kỳ con người sống vô đạo, vua không phải đạo vua, tôi không phải đạo tôi, cha không phải đạo cha, con không phải đạo con. Chiến tranh khốc liệt kéo dài làm cho đời sống của nhân dân vô cùng cực khổ. Trong xã hội, cảnh nòi da xáo thịt, bề tôi giết vua, anh giết em, con giết cha trở nên phổ biến. Sống trong thời kỳ loạn lạc, tận mắt chứng kiến cảnh chiến tranh cướp bóc, Khổng Tử ôm ấp hoài bão chính trị muốn xây dựng đất nước thái bình thịnh trị theo khuôn mẫu của vua Nghiêu, vua Thuấn. Đó là một xã hội ổn định tuân theo các nguyên tắc, quy tắc đạo đức. Khổng Tử lập ra học thuyết, mở trường dạy học, tranh luận với các trường phái khác để tuyên truyền lý tưởng của mình nhằm mục đích trên.

Về tư tưởng chính trị xã hội: Học thuyết Nho giáo của Khổng Tử xuất phát từ quan niệm kính trời, thờ thượng đế, tri mệnh, người với trời hợp nhất. Đây là tư tưởng chính trị của nhà Chu đã được tôn giáo hóa một cách toàn diện. Chủ trương của giai cấp quý tộc nhà Chu là “nhận dân”, “hưởng dân” và “trị dân”. Thiên tử là người chịu mệnh trời nhận dân để thống trị thiên hạ. Chính vì vậy, mọi người phải kính cẩn, sợ uy trời và tôn trọng phép tắc của Thiên tử. Nếu kẻ làm dân mà làm loạn thì kẻ được hưởng dân sẽ phải dùng phép tắc để trị dân.

Đứng trên lập trường của bộ phận cấp tiến trong giai cấp quý tộc Chu, Khổng Tử chủ trương lập lại pháp chế, kỷ cương của nhà Chu. Xuất phát từ các điều kiện kinh tế, chính trị xã hội thời bấy giờ nên Nho giáo chủ trương thực hiện quan điểm “dân là gốc” với mong muốn nhanh chóng bình ổn xã hội. Mặc dù quan điểm “dân là gốc” vẫn còn có những hạn chế mang tính ý thức hệ giai cấp nhưng nó đã có những ảnh hưởng to lớn đến sự tồn tại và phát triển của các triều đại Phong Kiến trong lịch sử Trung Hoa. Vậy, “Dân” bao gồm những giai cấp, tầng lớp nào, họ có vị trí, vai trò ra sao đối với sự phát triển xã hội? Tất cả những nội dung đó đã được luận giải trong quan niệm của Khổng Tử và các học trò của mình.



2.1.2. Quan niệm về dân và vị trí, vai trò của dân

Trong tác phẩm Luận Ngữ, Khổng Tử đã sử dụng hai danh từ *Người* và *Dân* có sự khác nhau tương đối. Khái niệm *Người* được Khổng Tử dùng để chỉ những người thống trị, còn khái niệm *Dân* được hiểu là trăm họ, dân thường. Đối với Mạnh Tử, khái niệm *Dân* được trình bày theo các tiêu chí riêng biệt. Nếu theo tiêu chuẩn đạo đức thì con người được chia thành người quân tử và kẻ tiểu nhân, hoặc nếu theo cương vị chính trị thì con người được chia thành người cai trị và người bị trị. Như vậy có thể nhận thấy, giữa Khổng Tử và Mạnh Tử đều có chung quan điểm thống nhất coi *Dân* là khái niệm chỉ giai cấp nô lệ, còn khái niệm *Người* dùng để chỉ giai cấp chủ nô, cầm quyền. *Dân* là những người lao động chân tay, người bị sai khiến, người lao lực chứ không phải là người có quyền lực hành chính.

Với cách hiểu trên thì *Dân* là những người có vị trí thấp nhất trong xã hội phải phụ thuộc vào người quân tử có địa vị cao, kẻ tiểu nhân không tự giải phóng cho mình (hạ trí ngu bất di). Khổng Tử nói: “Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo, thảo thượng chi phong tất yếu” tức là, địa vị của người quân tử, tức nhà cầm quyền như gió, địa vị của kẻ tiểu nhân tức dân chúng tỷ như cỏ, gió thổi thì cỏ rạp xuống. Mặc dù, quan niệm về *Dân* là những người có vị trí thấp nhất nhưng Nho giáo lại luôn đề cao vai trò của dân chúng đối với xã tắc. Trong Kinh thư, Khổng Tử từng khẳng định “*Dân vi bang bản*” (*Dân là gốc nước*). Mạnh Tử tiếp tục phát triển quan điểm này và đưa ra mệnh đề nổi tiếng: “*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*” (*Dân là quý, kế đó là xã tắc, vua là nhẹ*). Như vậy, Mạnh Tử đã thấy được mối quan hệ mật thiết giữa vua, xã tắc và dân nhưng trong đó vai trò của dân được đề cao hơn cả. Bởi vì theo ông, được lòng kẻ dân quê làm đến ngôi Thiên tử, được lòng Thiên tử chẳng qua làm chư hầu, được lòng chư hầu chẳng qua làm quan đại phu. *Dân* là người giữ vai trò quyết định đối với an ninh xã tắc và ngôi vua. Khổng Tử cho rằng, sự tồn vong của một triều đại phụ thuộc vào việc dân có tin, có nghe theo chính quyền hay không. Nếu dân tin, dân theo, dân ủng hộ thì triều đình đứng vững. Còn nếu dân không tin, không theo, bỏ đi nơi khác hoặc nổi loạn thì triều đình tất sẽ đổ nát. Thiên thời địa lợi chẳng bằng nhân hòa. Lương thực đủ, binh lực đủ, chẳng bằng được dân tin cậy. Nhận thức rõ được vai trò của dân nên Khổng Tử đã đề xuất một loạt chính sách trị dân nhân đức. Trong đó phải kể tới chính sách *Dưỡng dân* và *Trị dân*.

2.1.3. Chính sách Dưỡng dân

Dưỡng dân là chính sách hàng đầu trong quan niệm “dân là gốc”. Theo Khổng Tử, có nuôi dân tốt thì dân mới tin, mới theo. Trong quan niệm của mình, Nho giáo cho rằng, để xây dựng một triều đình vững mạnh thì cần tới ba điều, đó là: “*Túc thực*”, “*túc binh*” và “*dân tín*” (Nghĩa là lương thực phải đầy đủ, binh lực phải sung túc và được trăm họ tin cậy). Tuy nhiên, nếu bắt buộc phải bỏ bớt đi các điều thì chỉ có thể bỏ “*túc thực*” và “*túc binh*”. Khổng Tử nói rằng: “*Bỏ lương thực. Xưa nay ai cũng phải chết, nhưng dân không tin cậy thì không thể đứng vững*” [7; tr.478]. Hơn nữa, “*túc thực*”, “*túc binh*” đều phải lấy từ nhân dân. Cho nên, trong ba điều đó, chỉ có “*lòng tin*” của nhân dân là quan trọng hơn cả. Có “*dân tín*”, có binh lực, có lương thực đầy đủ thì quốc gia sẽ thái bình, thịnh trị. Từ cách xem xét này của



Khổng Tử cho thấy, lấy được lòng tin của nhân dân là việc hết sức quan trọng. Người thống trị mà có được lòng tin của nhân dân thì sẽ có sức mạnh lấn át mọi trở ngại trong quá trình lập quốc. Quan điểm này đã thể hiện nhân quan chính trị thiên tài của Khổng Tử, ông đã thấy được mối quan hệ khăng khít giữa chính trị, kinh tế và quân sự. “Thực” chính là kinh tế, “binh” chính là quân sự, “dân tín” chính là chế độ chính trị - xã hội. “Theo Khổng Tử đường lối căn bản để xây dựng và phát triển một quốc gia tốt nhất là xây dựng và phát triển đồng thời một chế độ chính trị tốt, với một nền kinh tế phồn thịnh và một nền quân sự hùng mạnh” [2; tr.44]. Trong tình huống khác thường, ba yếu tố căn bản này không thể tiến hành đồng thời được, trong đó “thực” và “binh” có thể bỏ nhưng niềm tin của nhân dân đối với chế độ xã hội không thể bỏ được. Như vậy, ý tưởng sâu xa của Khổng Tử là phát triển nền kinh tế đất nước, không bao giờ được tách rời khỏi việc xây dựng, củng cố chế độ chính trị, và phải xuất phát từ lòng dân, từ việc an dân. Để lấy được lòng dân, đạt được “dân tín”, thì phải “sử dân dĩ thời” tức là sai bảo dân cho đúng, cho hợp thời, hợp nghĩa, hợp đạo lý sao cho dân không oán. Ông nói: “Dân có thể khiến noi theo (đạo lý), không thể giảng giải cho biết” [7; tr.383]. Đối với dân, người làm quan phải biết sai khiến cho hợp lẽ, ban ân huệ và chăm lo đời sống cho dân; thấy dân đói khổ thì phải hết lòng cứu vớt, có như vậy mới được dân tin yêu, khi gặp tai biến thì dân mới liều chết mà tiếp cứu cho mình.

Kế thừa quan điểm của Khổng Tử, Mạnh Tử đã đưa ra thuyết “Nhân chính”, đòi hỏi bọn quý tộc phải để cho nhân dân có tài sản riêng thì họ mới yên tâm làm ăn (có hằng sản thì mới có hằng tâm). Mạnh Tử đã có tư tưởng thừa nhận chế độ “hằng sản” của nền kinh tế sản xuất nhỏ, bảo vệ sức lao động, rút hẹp khái niệm người quân tử, mở rộng một cách tương đối khái niệm kẻ tiểu nhân trong phạm trù “Dân”

Như vậy, trong chính sách *Dưỡng dân* của Nho giáo vừa có mặt tích cực, vừa có những hạn chế nhất định. Một mặt, Nho giáo cho rằng những người thống trị phải luôn quan tâm đến đời sống của nhân dân, phục vụ lợi ích của nhân dân, nhưng mặt khác, sự quan tâm này không nhằm mục đích mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân mà chỉ nhằm bảo vệ triều đình, củng cố địa vị của giai cấp thống trị mà thôi. Tính hai mặt này tiếp tục được thể hiện trong hàng loạt những nội dung của chính sách *Trị dân*.

2.1.4. Chính sách Trị dân

Trị dân là phải biết làm cho dân giàu, bởi dân giàu thì nước với mạnh, dân đã giàu rồi thì phải dạy dân biết thế nào là cương thường đạo lý để giữ trật tự trong xã hội. Nhưng làm cho dân giàu cần phải giảm nhẹ thuế cho dân. Đặc biệt, phải biết giảm thuế khi dân mất mùa để bớt phần nghèo khó. Bên cạnh đó, cũng cần phải thực hiện chính sách tiết kiệm trong tiêu dùng. Khổng Tử chủ trương: “Tiết dụng nhi ái nhân”, ông khuyên các bậc trị dân cái gì không có lợi cho dân thì đừng tiêu dùng, ngay cả lễ nhạc cũng phải tiết kiệm, không được bày đặt tốn kém. Tiến bộ hơn cả chính sách phân phối công bằng của Khổng Tử. Theo ông, thực hiện một chế độ phân phối công bằng thì lòng dân sẽ không oán, mọi người hoà thuận, nước sẽ yên. Khi Nhiễm Hữu khuyên họ Quý đánh chiếm nước bé Chuyên Du, Khổng Tử



đã mắng Nhiễm Hữu và bảo: “Khâu này từng nghe rằng những bậc vua chư hầu hoặc quan đại phu chẳng lo chuyện tài sản ít ỏi, mà lo chia không đều, chẳng lo dân nghèo mà lo dân không được yên ổn. Của chia đều thì dân không nghèo, dân hoà hợp thì của không ít, dân yên ổn thì nước không nghiêng đổ...” [7; tr.594].

Trong học thuyết của mình Khổng Tử cũng đề cao tư tưởng *giáo dân*. Ông coi *giáo dân* cũng là một trong những chính sách trị dân quan trọng. Theo Khổng Tử, *giáo dân* là một cách yêu dân, và cũng bằng giáo hoá mà người cầm quyền có thể dễ dàng sai bảo, dễ dàng trị dân “Người trên chuộng lễ thì dân dễ sai khiến”, nhờ đó, công việc chính trị sẽ nhẹ đi nhiều, nếu kết quả của sự giáo hoá mà tốt thì nhà cầm quyền chẳng phải làm gì mà nước cũng trị. Theo Khổng Tử, giáo hoá dân là phải dạy dân biết lễ nghĩa để khi làm sai khuôn phép thì biết hổ thẹn mà sửa. Ông đưa ra hai phương pháp giáo hoá cho dân:

Thứ nhất, làm gương cho dân theo, tức là thông qua hành vi chính trị đúng đắn của nhà cầm quyền để cảm hoá giáo dục dân, nhờ đó, mà làm dân tin, dân phục rồi dân sẽ theo. Vì vậy, khi Quý Khang Tử hỏi về việc chính trị Khổng Tử nói rằng: “Chính trị là ngay thẳng. Nếu ngài lấy điều ngay thẳng dẫn dắt mọi người, thì ai lại dám không ngay thẳng” [7; tr.487]. “Bản thân (nhà cầm quyền) ngay thẳng, tuy không ra lệnh, mọi việc vẫn trôi chảy; bản thân không ngay thẳng, dầu có ra lệnh dân cũng chẳng theo” [7; tr.502]. Nhà cầm quyền tự mình đúng đắn, lấy điều ngay thẳng để hành động, thì không ra lệnh, lệnh vẫn được thi hành. Tự mình mà không đúng đắn, có hành vi không ngay thẳng, thì dầu có ra lệnh, dân cũng không theo. Những lời trên đã ẩn chứa tư tưởng khẳng định: việc “bất chính”, “bất tòng” của thứ dân, thậm chí là phạm tội, cũng có nguyên nhân là tự thân các nhà chấp chính “bất chính”, tức là như câu “trên hư thì dưới hỏng”. Khổng Tử đã có những chỉ trích khá chua cay đối với những kẻ làm bề trên có hành vi chính trị không ngay thẳng dẫn đến sự “bất chính”, “bất tòng” của thứ dân. Để có thể làm gương cảm hoá, giáo dục dân, bản thân nhà cầm quyền phải luôn luôn sửa mình để trở nên ngay thẳng. Sửa mình để sửa người, để trị dân, theo Khổng Tử là việc có kết quả mau nhất, bền nhất mà người cầm quyền nên làm trước hết. Ông cho rằng, nhà cầm quyền “Nếu có thể sửa mình ngay thẳng thì việc cai trị dân có gì là khó đâu? Không thể sửa mình ngay thẳng, lại có thể sửa người ngay thẳng được sao?” [7; tr.507].

Thứ hai, phải dạy dỗ cho dân. Khổng Tử rất coi trọng việc giáo dục cho dân, ông nghiêm khắc phê phán những kẻ thống trị quen làm việc “không dạy mà giết”, ông nói: Không dạy dỗ (để dân không biết nên phạm lỗi) nỡ đem giết bỏ, thế gọi là ngang ngược. Việc dạy dỗ dân của Khổng Tử không ngoài việc học văn và giữ lễ, tức là lấy đức để dạy và lấy lễ để giáo dục. Dạy dỗ dân theo các chuẩn mực đạo đức hiếu, đễ, lễ, trung, tín... với chủ trương “tiên học lễ, hậu học văn”. Cho nên trong quá trình giáo dục của mình, Khổng Tử yêu cầu: “Các đệ tử khi vào phải hiếu với cha mẹ, khi ra phải kính nhường người lớn tuổi, làm việc phải cẩn thận mà giữ chữ tín, thương yêu mọi người mà thân với người nhân. Làm những việc đó có dư sức mới dành cho việc học văn chương” [7; tr.201]. Phải lấy giáo dục trong gia đình làm điểm xuất phát, phải giáo dục đức hiếu để trước hết, sau đó mới dạy các đức tính khác cho dân. Bởi một người ở trong nhà biết hiếu thảo với cha mẹ, ra ngoài sẽ biết



kính nhường bậc lớn tuổi, nhờ đó sẽ tận trung với vua. Đồng thời, lấy lễ để tiết chế, ngăn ngừa những hành vi trái lễ hướng người dân tuân theo trật tự lễ pháp của xã hội. Đây là phương pháp vừa để giáo hoá, vừa để trị dân mà Khổng Tử cho là rất hiệu quả.

Đức trị là một học thuyết chính trị với chủ trương dùng tư cách đạo đức của nhà cầm quyền làm gương cho dân, dẫn dắt, giáo dục dân. Ông cũng đã thể hiện được tinh thần dân bản, coi việc dân tín, dân an là cơ sở quan trọng để xây dựng chính sách trị dân. Tuy nhiên, do hạn chế của lịch sử và lập trường giai cấp, tư tưởng Đức trị của Khổng Tử còn chứa đựng nhiều điểm hạn chế, khiếm khuyết.

Quan điểm *Trị dân* nêu trên của Khổng Tử đã thể hiện tính chất hai mặt, vừa tiến bộ vừa bảo thủ. Một mặt, Khổng Tử lấy vấn đề dân bản, nhân nghĩa làm xuất phát điểm cho mọi chính sách *Trị dân* của mình. Vì thế, tư tưởng trị dân của Khổng Tử đã góp phần hữu ích vào việc mưu cầu hạnh phúc cho toàn dân. Đó là nhân tố tích cực trong quan điểm trị dân của Khổng Tử. Nhưng mặt khác, do hạn chế của thời đại và lợi ích giai cấp, dân trong quan niệm của ông vẫn chỉ là phương tiện chứ không phải là chủ thể, lại càng không phải là mục đích của nền chính trị đó.

2.2. Ý nghĩa của quan điểm Nho giáo đối với bài học lấy dân làm gốc của Đảng ta hiện nay

Lịch sử dân tộc Việt Nam chịu sự ảnh hưởng không nhỏ của Nho giáo nói chung và tư tưởng “Dân là gốc” nói riêng. Tư tưởng “dân bản” được thể hiện trong quan niệm của nhiều nhà nho yêu nước. Từ thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã nhận định: Vận nước thịnh hay suy, mất hay còn là do sức mạnh của dân quyết định. Vương triều nào đi ngược lại với lòng dân thì sớm hay muộn cũng đều bị thất bại. Thuyền bị lật mới biết sức dân mạnh như nước bởi vì: “Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân, thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân thì chết”. Gạt bỏ những hạn chế và kế thừa những giá trị tích cực trong tư tưởng Nho giáo đồng thời dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển quan niệm “Dân là gốc” lên tầm cao mới mang tính toàn diện hơn, khoa học hơn. Theo Hồ Chí Minh, nhân dân là gốc rễ của sự trường tồn: “gốc có vững thì cây mới bền, xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” [9; tr.879]. Nhà nước mà chúng ta xây dựng là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân... Quyền hành và lực lượng đều ở dân” [8; tr.698].

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn quán triệt bài học “lấy dân làm gốc”. Khái niệm “Dân” ở nước ta không phải dùng chỉ những người bị áp bức bóc lột, người dưới tận đáy cùng của xã hội như trong quan niệm Nho giáo mà nó có ngoại diên rộng lớn bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp đang trực tiếp và gián tiếp tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, họ cũng không phải là những người có vị trí thấp nhất trong xã hội nữa mà là người làm chủ xã hội. Dân có vai trò to lớn, là lực lượng và là động lực của mọi cuộc cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của



Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tạo nên lịch sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc bằng những chiến công hiển hách. Trong giai đoạn lịch sử mới, giai đoạn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Đảng ta vẫn nhận thức một cách sâu sắc về vai trò to lớn của nhân dân. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Đảng đã khẳng định, “chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử”, bởi vậy, “toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân”. Thực tiễn sau 20 năm đổi mới đất nước (1986 - 2006), một trong những bài học lớn mà Đảng ta rút ra vẫn là thực hiện “lấy dân làm gốc”. Đảng nhấn mạnh: “đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới” [3; tr.71]. Tinh thần đó, một lần nữa lại được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII: “Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc” [1; tr.20].

Như vậy, chăm lo lợi ích, hạnh phúc của nhân dân là mục đích thiêng liêng, là lý tưởng cao quý của Đảng. Trong điều kiện hòa bình hiện nay, xây dựng chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân là mục đích trực tiếp, là nội dung quan trọng trong hoạt động của Đảng và các cơ quan nhà nước, là vấn đề quyết định sự tín nhiệm và sự gắn bó của nhân dân với Đảng, là một động lực to lớn tạo ra phong trào hành động cách mạng của quần chúng nhân dân. Đảng ta luôn nhất quán quan điểm, “sự nghiệp đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân”, xa rời, đi ngược lại lợi ích của nhân dân đổi mới sẽ thất bại. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Đổi mới phải dựa vào dân do lòng dân quyết định.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển; tăng trưởng kinh tế khá; chính trị - xã hội ổn định; dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Kết quả đó phần nào cho thấy đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Tuy nhiên, trên tinh thần khách quan Đảng cũng nghiêm khắc chỉ ra những tồn tại chưa được khắc phục như: có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục; trong tổ chức Đảng vẫn còn một số đảng viên nhạt phai về lý tưởng, sa sút phẩm chất đạo đức cách mạng, quan liêu, tham nhũng, chủ nghĩa cá nhân làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng; một số chính sách vẫn chưa đáp ứng được nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, nhiều bức xúc chưa được giải quyết, quyền làm chủ của nhân dân nhiều nơi bị vi phạm. Đây chính là những thách thức to lớn cho mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3. KẾT LUẬN

Quan điểm “dân là gốc” của Nho giáo ra đời trong bối cảnh lịch sử Trung Hoa đầy biến động. Các nhà Nho xuất thân từ bộ phận quý tộc thị tộc cũ muốn sử dụng sức mạnh của



chính trị, đạo đức nhằm giữ xã hội trong vòng trật tự nhất định. Bởi vậy, mặc dù trong học thuyết của mình, Nho giáo đã luôn đề cao vai trò của dân, yêu cầu người thống trị phải quan tâm đến lợi ích của dân, phải làm gương cho dân nhưng Nho giáo lại không coi trọng vị trí của dân, không mưu cầu hạnh phúc thực sự cho nhân dân. Mục đích cuối cùng của Nho giáo là nhằm bảo vệ cho lợi ích thống trị của giai cấp cầm quyền. Đây chính là hạn chế mang tính lịch sử của các quan điểm phi Mác xít.

Quan điểm “dân là gốc” trong Nho giáo đã từng được truyền bá vào Việt Nam và trở thành quan điểm cơ bản của các nhà Nho yêu nước. Thực tiễn đã chứng minh được vai trò to lớn của nhân dân ta trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, dựa trên cơ sở lý luận của Nho giáo, của chủ nghĩa Mác Lênin, Đảng ta luôn quán triệt bài học “lấy dân làm gốc”. Trong thời kỳ lịch sử mới, Đảng ta tiếp tục quan điểm coi trọng lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức mạnh sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Tích cực đấu tranh chống lại những biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, quan liêu, cửa quyền, hách dịch đối với nhân dân của một bộ cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Cùng cố và xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh. Người cán bộ đảng viên phải gần dân, tin dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân, người đảng viên phải thực sự xứng đáng là người lãnh đạo và là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Thực hiện được điều đó, chúng ta tin chắc rằng, mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh xã hội dân chủ, công bằng văn minh” sẽ sớm trở thành hiện thực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tuyên giáo trung ương (2016), *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Doãn Chính (1998), *Quan điểm kinh tế trong hệ thống tư tưởng của Khổng Tử*, Tạp chí triết học (6), tr44 - 46.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [4] Phan Đại Doãn (chủ biên) (1998), *Một số vấn đề Nho giáo Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hoá Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Vũ Khiêu (1997), *Nho giáo và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Đức Lân (1998) (biên dịch và chú giải), *Tứ thư tập chú*, Nxb. Văn hóa Thông tin Hà Nội, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



THE PERSPECTIVE OF CONFUCIANISM ON “CIVILIAN IS THE FOUNDATION” AND ITS MEANING TO THE LESSON: TAKE THE CIVILIAN AS THE FOUNDATION OF VIETNAM’S PARTY NOWADAYS

Le Thi Hoai

ABSTRACT

Confucianism is the largest philosophy in the political theory of the accient Chinese Philosophy. Confucian ideology includes many positive values in order to stabilize and develop the society, including the point of view “take the Civilian as the foundation”. In this article, we focus on the location, role of civilian; the policy “of the population;” the policy “of the people” in Confucianism, at the same time, we affirm the practical meaning of this view for the communist party of Vietnam nowadays.

Keywords: *Confucianism, civilian is the foundation, take the civilian as the foundation.*